

Phụ lục II
DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CÓ MỨC ĐỘ RỦI RO TRUNG BÌNH
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Mã số HS	Mô tả sản phẩm, hàng hóa	Yêu cầu quản lý chất lượng tương ứng
I	Thiết bị an toàn cho trẻ em				
1	Thiết bị an toàn cho trẻ em dùng trên ô tô	QCVN 123:2024/BGTVT	9401.80.00 9401.79.90 9401.71.00		Công bố hợp quy theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2018, năm 2025.
II	Phụ tùng xe cơ giới (Trừ phụ tùng sản xuất trong nước để phục vụ mục đích sửa chữa, bảo hành cho xe cơ giới và cùng kiểu loại với phụ tùng đã được chứng nhận)				
1	Gương dùng cho xe ô tô	QCVN 33:2024/BGTVT	7009.10.00		Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cụ thể như sau: - Sản phẩm, hàng hóa sản xuất, lắp ráp thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT; - Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT.
2	Gương chiếu hậu dùng cho xe mô tô, xe gắn máy	QCVN 28:2024/BGTVT	7009.10.00		Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cụ thể như sau:

					<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm, hàng hóa sản xuất, lắp ráp thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT; - Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT.
3	Vành bánh xe mô tô, xe gắn máy	QCVN 113:2024/BGTVT	8714.10.50		<p>Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm, hàng hóa sản xuất, lắp ráp thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT; - Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT.
4	Vành hợp kim nhẹ dùng cho xe ô tô	QCVN 78:2024/BGTVT	8708.70		<p>Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm, hàng hóa sản xuất, lắp ráp thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT; - Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT.

5	Đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (Trừ xe bốn bánh có gắn động cơ)	QCVN 125:2024/BGTVT	8512.20		<p>Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm, hàng hóa sản xuất, lắp ráp thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT; - Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT.
6	Khung xe mô tô, xe gắn máy	QCVN 124:2024/BGTVT	8714.10.30		<p>Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm, hàng hóa sản xuất, lắp ráp thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT; - Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT.
7	Kính an toàn của xe ô tô	QCVN 32:2024/BGTVT	70.07		<p>Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm, hàng hóa sản xuất, lắp ráp thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT; - Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thực hiện
			8708.22		

					chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT.
8	Động cơ xe mô tô, xe gắn máy	QCVN 37:2024/BGTVT	84.07		Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cụ thể như sau: - Sản phẩm, hàng hóa sản xuất, lắp ráp thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT; - Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT.
9	Động cơ sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện	QCVN 90:2024/BGTVT	85.01		Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cụ thể như sau: - Sản phẩm, hàng hóa sản xuất, lắp ráp thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT; - Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thực hiện chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT.
III	Lĩnh vực đường sắt				
1	Đầu máy chạy điện từ nguồn điện cấp từ bên ngoài hoặc ắc quy		8601.10.00	Đầu máy có hệ thống truyền động sử dụng điện áp cao cấp từ mạng lưới	Thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư số 33/2025/TT-BXD

			8601.20.00	điện bên ngoài hoặc sử dụng hệ thống ắc quy công suất lớn (Pin Lithium-ion)	
2	Toa xe đường sắt đô thị	QCVN 23:2025/BXD; QCVN 25:2025/BXD	86.03	Phương tiện đường sắt hoạt động trên hệ thống đường sắt đô thị	Thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư số 33/2025/TT-BXD
3	Phương tiện chuyên dùng: goòng máy; ô tô ray; cần trục đường sắt; máy chèn đường; máy kiểm tra đường; phương tiện khác dùng để phục vụ cứu viện, thi công, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra đường sắt	QCVN 23:2025/BXD; QCVN 24:2025/BXD; QCVN 25:2025/BXD; QCVN 22:2018/BGTVT	8604.00.00	Phương tiện động lực và không động lực chuyên biệt, có thể tích hợp hệ thống cơ khí, thủy lực, khí nén dùng để thi công, duy tu, bảo trì, cứu hộ	Thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư số 33/2025/TT-BXD
4	Toa xe hành lý; toa xe bưu vụ; toa xe hàng ăn	QCVN 23:2025/BXD; QCVN 25:2025/BXD	8605.00.00	Phương tiện giao thông đường sắt không có nguồn động lực	Thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư số 33/2025/TT-BXD
5	Toa xe hàng và toa goòng không tự hành	QCVN 23:2025/BXD; QCVN 25:2025/BXD	8606	Phương tiện giao thông đường sắt không có nguồn động lực	Thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư số 33/2025/TT-BXD
6	Giá chuyển hướng	QCVN 26:2025/BXD	8607.11.00	Bộ phận chạy của đầu máy, toa xe, đợc cấu thành từ khung giá, bộ trục bánh xe, hệ thống treo và hệ thống hãm	Thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư số 33/2025/TT-BXD
			8607.12.00		

7	Van phân phối đầu máy	QCVN 28:2025/BXD	8607.21.00	Thiết bị điều khiển khí nén, dùng để điều khiển hãm của đầu máy hoặc toa xe	Thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư số 33/2025/TT-BXD
	Van hãm toa xe				
8	Bộ móc nối, đỡ đấm	QCVN 27:2025/BXD	8607.30.00	Cụm chi tiết cơ khí liên kết các toa xe thành đoàn tàu, truyền lực kéo và hấp thụ các xung lực va đập	Thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư số 33/2025/TT-BXD
9	Đầu máy diesel	QCVN 23:2025/BXD; QCVN 24:2025/BXD	86.02	Phương tiện động lực chính bao gồm hệ thống động cơ đốt trong, hệ thống truyền động, hệ thống hãm, giá chuyển hướng, dùng để kéo đoàn tàu khách và đoàn tàu hàng	Thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư số 33/2025/TT-BXD
10	Toa xe chở khách không tự hành; toa xe công vụ, phát điện	QCVN 23:2025/BXD; QCVN 25:2025/BXD	8605.00.00	Phương tiện giao thông đường sắt không có nguồn động lực hoạt động trên hệ thống đường sắt quốc gia, sử dụng để chuyên chở hành khách, phục vụ công vụ hoặc phát điện	Thực hiện chứng nhận theo quy định của Thông tư số 33/2025/TT-BXD